

There are no translations available.

Nguyễn Ánh thăng trẫm, đem quân trở về Phú Xuân. Trước khi tiễn quân ra Bắc Hà, ngày mùng 2 tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh lập đàn Nam Giao làm lễ tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Gia Long.

Ngày 21 tháng 5 năm ấy, đưa quân của Gia Long bắt đầu ra đi về Phú Xuân. Ngày 28, quân Nguyễn đánh lấy Hà Trung. Ngày 1 tháng 6, thủy quân Nguyễn đánh vào cửa Hải, tiến lên chiếm Vĩnh Dinh, bắt đầu của con Nguyễn Nhậm là Nguyễn Lân. Sau đấy, Gia Long chiếm Nghệ An. Ngày mùng 5, tiễn quân đến Thanh Hóa, chiếm Đông Xá (trên lý Thanh Hóa, bắt đầu của Quang Bàn (em Quang Toản)). Ngày mùng 7, Phó đô thăng chức Vũ Văn Doãn bắt đầu của Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân và một số tướng lĩnh ở Thanh Chương (Nghệ An); Vũ Văn Dũng cũng bắt đầu của huy quân Nông Công (Thanh Hóa). Ngày mùng 9, binh Nguyễn đánh lấy Tam Điệp, rồi tiến ra Ninh Bình và lấy Châu Cầu (Phước Lý). Thủy quân Nguyễn vào sông Hồng, ngụy lên Vĩnh Hoàng (Nam Định). Ngày 17, quân Nguyễn tiến vào Bắc Thành - Thăng Long, bắt đầu của hơn 100 con voi.

Ngày 21 tháng 6 năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long vào Bắc Thành - Thăng Long. Cuộc hành quân của quân Nguyễn từ Phú Xuân (Huế) ra đến Thăng Long (Bắc Thành) vừa đúng một tháng tròn.

Vua Tây Sơn Nguyễn Quang Toản biết thế không thể chống lại, liền cùng với các em là Quang Thùy, Quang Thiệu, Quang Dung và các bề tôi là Tôn mã Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Tồn, Đô đốc Tú sang sông Hồng, chạy lên Xương Giang (Bắc Giang), nương theo cùng các kiết, ngụy thì từ từ, kẻ thì bắt bắt. Triều đình Tây Sơn đến đây là chấm dứt.

Việc sắp đặt cơ quan hành chính ở Thăng Long

Sau khi chiếm được Bắc Thành tay triều Tây Sơn, Gia Long không định đô ở đây mà chọn Phú Xuân (Huế) làm kinh đô của cả nước. Tuy vậy, kinh thành Thăng Long phải chịu một sự chuyển đổi lớn: từ kinh thành trong hơn 800 năm trước trở thành trở thành rồi đến đến trở thành trở thành. Sự chuyển đổi này có nhiều lý do: một là các chúa Nguyễn đã từng ở Phú Xuân (Huế) trong mấy trăm năm (từ 1687), nên họ có cả nhà Nguyễn từ đời miệt này có nhiều mà nên nên phải có đã có sẵn, cho nên vua Gia Long nhà Nguyễn lúc này không muốn dời đi nơi khác; hai là nhân dân ngoài Bắc khi ấy không tin tưởng nhà Nguyễn và nhất là từng lập sĩ phu Bắc Hà vốn từng nghe nhà Lê, cho nên việc đóng đô ở Thăng Long là không có lợi cho nhà Nguyễn. Do vậy, Gia Long đã quyết định đóng đô ở nơi cũ là Phú Xuân, không ra Thăng Long và cả Nguyễn Văn Thành làm Tổng trấn Bắc Thành.

Lên ngôi năm 1802, Gia Long vốn giữ từ chức Bắc Thành nhưng rút lại còn có 5 nơi trấn là Sơn Nam thượng, Sơn Nam hạ, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương và 6 người trấn là: Thái Nguyên,

Làng Sơn, Tuyên Quang, Cao Bằng, An Quảng, Hoàng Hóa.

Như vậy là Gia Long gửi tể tướng Thanh Hóa người trước (cho vào Sơn Nam họ) và phụ Phụng Thiên (đến năm 1805 sẽ gọi là phủ Hoài Đức), vì là lý sự của Bắc Thành nên vào trấn Bắc Thành.

Tại Bắc Thành cũng vào năm 1802, ngoài việc đặt chức Tổng trấn, Gia Long cho thiết lập bốn tào: Hộ, Binh, Hình và Công chuyên phụ trách các mặt kinh tế, quân sự và pháp luật. Triều đình lấy chức Tham tri phụ trách các Tào của Bắc Thành. Nhưng viên quan đứng đầu các Tào nói trên đều là quan lại cao cấp của các bộ triều đình để phân phối đất đai. Thí dụ như viên quan Hộ tham tri bộ Hộ tại kinh đô Huế, được cử ra phụ trách Hộ Tào; viên quan Hộ tham tri bộ Binh thì phụ trách Binh Tào v.v...

Tháng 8 năm Nhâm Tuất (1802), tại phủ Phụng Thiên, nơi đóng lý sự của Bắc Thành (Thăng Long), Gia Long cho đặt “mặt An phủ sự và mặt Tuyên phủ sự thống trị hai huyện” Vĩnh Xuân và Quảng Đức (Đời Nam thuộc là Thọ Xuân). Nxb Giáo dục, H.2002, tập I, tr. 518). Trong đó An phủ sự là võ quan, phụ trách vào hàng Tổng trấn phủ, Tuyên phủ sự là văn quan cũng có hàm Tổng trấn phủ. Như vậy, mặc dù Gia Long đã bỏ chức Phò mã phu Phụng Thiên thời Lê triều đây, nhưng vẫn đặt viên quan đứng đầu phủ này là quan hàm gần ngang với viên quan đứng đầu các trấn. Do vậy thời Gia Long, chức Trấn thủ đứng đầu các trấn là võ quan có hàm Chánh tam phẩm, và do vậy văn quan là chức Tham hiệp hàm Chánh trấn phủ. Các viên tri phủ đứng đầu các phủ trong các trấn chỉ có hàm Chánh lục phẩm. (Như Xuân, Sđd, tập I, tr. 596, 597).

Năm 1805, Gia Long gửi phủ Phụng Thiên thành phủ Hoài Đức, và huyện Quảng Đức thành Vĩnh Thuận. Huyện Thọ Xuân có 8 tổng, 194 thôn, trấn, còn huyện Vĩnh Thuận có 5 tổng, 56 thôn, trấn (1).

Tháng 8 năm Mậu Sửu (1805), lấy chức Long (Rồng) là tổng trấn cho vua, chỉ có thể dùng cho kinh sư mà thôi, Gia Long đã đặt chức Long (trong tên Thăng Long) là Rồng thành chức Long là Thọ nh. Cũng vậy tình thế đó, chỉ Hoàng Thành thôi nay không được dùng nữa.

Số Thanh Tra Bộ Sám sang phong Vọng cho Gia Long tại Thăng Long

Tháng 8 năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long sai Lê Quang Đức làm Chánh sự, Lê Chính Lễ và Nguyễn Gia Cát sung Giáp tể phó sự sang nước Thanh cầu phong và xin đặt quốc hiệu là Nam Việt. Đức chuần bị cho công việc bang giao quan trọng này, Gia Long, trước đó đã cho triều Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Gia Phan, Phan Huy Ích đến Thăng Long vì “bên Nhậm vốn là bạn tôi cũ của triều Lê, đã quen công việc. Huy Ích lại từng làm sứ thần của giặc (tức Tây Sơn - TG) đi sang nước Thanh, bên họ làm cho ngoài đời phòng hại đến”. (Như Xuân, Sđd, tập I, tr.505). Ngoài ra, Gia Long còn lệnh cho quan phụ trách Bắc Thành noi theo thể thức phong điển triều Lê, xây thêm điện vũ. Đặt điện Cấn Chánh ở bên trong 5 cửa trước điện Kính Thiên, ngoài cửa điện Cấn Chánh đặt cổng cái rộng dài, đứng trước cổng cửa Chu Môn và đứng nhà tiếp sứ Thanh ở bên sông Hoàng.

Khoảng tháng 8 năm Quý Hợi (1803), nhà Thanh đưa thớt nói chuyện Việt Nam là Lê Quang Đĩnh, Trừng Hoài Đức đã đến Yên Kinh. Vua Thanh sai Án sát Quố Tây là Tô Bô Sâm sang tuyên phong. Nhận được tin đó, Gia Long ngay lập tức khởi hành xa giá đi Bắc tuấn. Tháng 10 năm ấy, Gia Long đến hành cung Thăng Long.

Tháng giêng năm Giáp Tý (1804), sứ Thanh là Án sát Quố Tây Tô Bô Sâm sang đến Thăng Long.

Trước đó, Gia Long sai Lê Quang Đĩnh sang xin phong và xin đổi quốc hiệu, trong thư đổi lược nói: “Các đời trước mang cõi viêm bang, mỗi ngày mất rừng, bao gồm các nước Việt Thổ, Chân Lạp, đông quốc hiệu là Nam Việt, truy nếm 200 năm. Nay đã quét sạch miền Nam, về yên ổn toàn cõi Việt, nên khôi phục hiệu cũ để chính danh đất”. Vua Thanh cho rằng chỉ Nam Việt gọi như Đông Tây Việt, gọi như cái thời phong Nam là mệnh của Triều Đà, nên không muốn cho. Gia Long hai ba lần phớt thờ bỉ nếm gọi, lại nói nếu vua Thanh không cho thì không chịu phong. “Vua Thanh sai mất lòng nếm ta, mỗi dùng chỉ Việt Nam để đất tên nếm...”. (Thư lược, Sđd. tập I, tr. 580).

Lập tuyên phong được chỉ chỉ long trừng tới thành Thăng Long. Vào sáng sớm, Gia Long sai đến lập đổi giá sơn đến Kính Thiên đến cửa Chu Tước, ngoài cửa đến bên sông Hồng thì bày nghi vệ binh trừng. Lại sai Tôn Thất Cộ cùng mấy viên quan nếm đến công quán Gia Quố t bển sông để nghênh tiếp Tô Bô Sâm.

Gia Long đến gặp sứ nếm cửa Chu Tước, có hoàng thân và bá quan theo hầu. Sứ Thanh Tô Bô Sâm đến, vào đến Kính Thiên làm lập tuyên phong. Nguyễn Văn Thành sung việc thớt, Phạm Văn Nhân sung việc thớt. Lũ xong, Gia Long mời Tô Bô Sâm đến đến Cấn Chánh, thông thư mời trả rồi lui.

Sau đó, Gia Long đến yết công quán Gia Quố t, trừng bỉu phớm vết Tô Bô Sâm nhận lý lẽ, lạ, về, sang tên, kếm nam, còn thớt đưa trở lại. Sau đó Tô Bô Sâm trừng bỉu phớm vết, Gia Long sai thu nhận mất vài thư để lý lòng sứ Thanh. Tô Bô Sâm lên đến trừng vết nếm. Gia Long sai Tôn Thất Cộ đưa đi mất trừng, còn các quan hầu mệnh có trách nhiệm hỏi trừng Sâm ra tới nếm cửa i Mếm Nam Quan (Lũng Sơn)

Theo: Lũch sứ Thăng Long - Hà Nội